

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2026

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải
2. Ông Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 637/2026/TLST-HNGĐ ngày 01/7/2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1212/2026/QĐ.TA ngày 20 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1990

CCCD số 092190013790 cấp ngày 04/8/2022.

Địa chỉ: **ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ.**

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1991 (vắng mặt)

CCCD số 092091002615 cấp ngày 10/8/2021.

Địa chỉ: **ấp A, xã P, thành phố Cần Thơ.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà **Nguyễn Thanh T** trình bày:*

Bà và ông **T1** tự tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân năm 2010, đăng ký kết hôn theo quy định tại **UBND xã G** (cũ) ngày 06/02/2014. Vợ chồng sống

hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông T1 ghen tuông vô cớ, không tôn trọng vợ, vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống riêng một năm nay, hôn nhân không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T1.

- Về con chung: bà và ông T1 có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc T2, giới tính: nữ, sinh ngày 10/12/2010 và Nguyễn Ngọc Khánh B, giới tính: nữ, sinh ngày 03/3/2022. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu Khánh B và cháu Ngọc T2, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày (được ghi nhận trong biên bản hòa giải ngày 17/7/2026):

Ông T1 thống nhất với phần trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì theo ông vợ chồng không mâu thuẫn trầm trọng nên ông không đồng ý ly hôn. Trường hợp ly hôn thì ông nuôi cầu được nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Thị Ngọc T2, giới tính: nữ, sinh ngày 10/12/2010 và Nguyễn Ngọc Khánh B, giới tính: nữ, sinh ngày 03/3/2022, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ yêu cầu ly hôn, bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn giải vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện P (cũ) vào ngày 06/02/2014. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông T1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn sâu sắc do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và không thể hòa hợp. Thực tế, mục đích của

hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Phía bị đơn ông T1 mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập nhưng không có văn bản ghi ý kiến, vào ngày 17/7/2026 ông T1 được triệu tập đến Tòa để tham dự hòa giải nhưng ông T1 lại tự ý bỏ về và không ký tên vào Biên bản hòa giải, thể hiện thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thanh T là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung:

Bà T và ông T1 có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc T2, giới tính: nữ, sinh ngày 10/12/2010 và Nguyễn Ngọc Khánh B, giới tính: nữ, sinh ngày 03/3/2022.

Xét nguyện vọng của bà T mong muốn được nuôi dưỡng 02 con chung do hiện nay các cháu đang do bà T trực tiếp chăm sóc, ổn định về chỗ ở và sinh hoạt. Hơn nữa, cháu Ngọc T2 có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do đó, để tránh làm ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của các cháu, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Thị Ngọc T2 và cháu Nguyễn Ngọc Khánh B cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà T và ông T1 đều khai không có, do đó, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: giao cháu **Nguyễn Thị Ngọc T2**, giới tính: nữ, sinh ngày 10/12/2010 và **Nguyễn Ngọc Khánh B**, giới tính: nữ, sinh ngày 03/3/2022 cho bà **Nguyễn Thanh T** nuôi dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông **Nguyễn Văn T1**, không ai có quyền ngăn cản ông **T1** thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà **Nguyễn Thanh T** và ông **Nguyễn Văn T1** khai không có nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà **Nguyễn Thanh T** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí bà **T3** đã nộp theo Biên lai thu số 0012895 ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí phải chịu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKS kv3-CT;
- THA kv3-CT;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Trúc